

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
QUẬN PHÚ NHUẬNĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Số: 0299/2025/QĐST-HNGĐ P, ngày 23 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83,
Điều 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và
sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày
15/4/2025;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số
259/2025/TLST-VHNGĐ ngày 25/3/2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận
tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

1/ Bà Trần Thị Xuân T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 4 P, Phường C, quận P, TP ..

2/ Ông Lê Văn L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 4 P, Phường C, quận P, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 212,
quyển số 01 ngày 09 tháng 12 năm 2008 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C,
tỉnh Trà Vinh cấp có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn L và bà
Trần Thị Xuân T là hợp pháp. Ông L và bà T thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 143, quyển số 01/2009 ngày 08 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định ông L và bà T có con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 29/11/2009.

Ông L và bà T cùng thống nhất giao con chung là Lê Kim N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi và ông L chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về Tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông L và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông L và bà T phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Trần Thị Xuân T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông L và bà T có 01 con chung tên Lê Kim N, sinh ngày 29/11/2009.

Giao con chung là Lê Kim N, sinh ngày 29/11/2009 cho **bà** T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- **Ông L phải đóng góp nuôi con với bà T số tiền là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng một tháng) cho đến khi cháu Lê Kim N thành niên (đủ 18 tuổi).**

Việc cấp dưỡng cho con được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 05/2025.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông L không thi hành hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông L và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông L và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông L và bà T mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn), nhưng được căn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số 0055416 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận. Ông L và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận PN;
- CC THADS quận PN;
- UBND phường 3, quận Phú Nhuận;
- Lưu: VP, hồ sơ.

Lê Tuấn

Nguyễn Lê Hoàng Yến

Dương